SAO Y; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI; 19/10/2026; 13:55:05; +07:00

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỶ LỢI ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 30 /TB-TL

Đồng Nai, ngày 19 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt tại các trạm cấp nước do Công ty TNHH Một thành viên Thuỷ lợi Đồng Nai quản lý

Kính gửi:

- UBND các xã: Nam Cát Tiên; Tà Lài; Phú Hòa; Định Quán; La Ngà; Phú Vinh; Xuân Phú; Xuân Quế; Xuân Đường; Bàu Hàm; An Viễn; Phú Lý; Bù Gia Mập; Phước Sơn; Long Hà; Bù Đăng; Nghĩa Trung; Lộc Tấn; Thiện Hưng; Lộc Thành; Tân Hưng; Thọ Sơn; Lộc Quang; Tân Tiến; Hưng Phước;
- UBND các phường: Dầu Giây; Tân Phú; Trị An; Bảo Vinh; Bình Lộc; Hàng Gòn; Lộc Ninh; Tân Khai;
- Các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-TL-HĐTV ngày 16/9/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai về chủ trương thực hiện cơ chế khách hàng tự nguyện ứng trước một phần chi phí lắp đặt đấu nối nước sạch tại các công trình cấp nước sạch nông thôn do Công ty quản lý;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TL ngày 13/10/2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai về việc ban hành Quy định triển khai cơ chế khách hàng tự nguyện ứng trước một phần chi phí lắp đặt đấu nối sử dụng nước sạch tại các công trình cấp nước sạch nông thôn do Công ty quản lý;

Căn cứ giá vật tư, thiết bị ngành nước của các nhà cung ứng trúng thầu năm 2026.

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Chi nhánh, Trạm cấp nước trực thuộc để thông báo rộng rãi cho người dân biết về đơn giá chi phí vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ đo nước sinh hoạt tiêu chuẩn (chiều dài ống nhánh đấu nối từ tim đường ống phân phối hiện hữu đến đồng hồ đo nước tối đa không quá 05 mét) và mức ứng

trước tối đa tại các công trình cấp nước sạch nông thôn do Công ty quản lý, được áp dụng kể từ ngày ký ban hành cho đến khi có thông báo mới, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung đơn giá lắp đặt đồng hồ tiêu chuẩn (Cự ly ống nhánh ≤ 05 mét)	Chi phí vật liệu (đồng/bộ)	Chi phí nhân công (đồng/bộ)	Tổng chi phí lắp đặt (CP) (đồng/bộ)	Mức ứng trước tối đa (50%) (đồng/bộ)
1	Đơn giá vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt với Đai khởi thủy đường kính D60mm	1.379.729	220.000	**1.599.729**	**799.864**
2	Đơn giá vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt với Đai khởi thủy đường kính D90mm	1.381.889	220.000	**1.601.889**	**800.944**
3	Đơn giá vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt với Đai khởi thủy đường kính D114mm	1.411.805	220.000	**1.631.805**	**815.902**
4	Đơn giá vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt với Đai khởi thủy đường kính D160mm	1.489.565	220.000	**1.709.565**	**854.782**
5	Đơn giá vật tư, nhân công lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt với Đai khởi thủy đường kính D225mm	1.593.353	220.000	**1.813.353**	**906.676**

(Đính kèm Phụ lục 1: Bảng đơn giá lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt và Phụ lục 2: Bộ bảng chiết tính chi tiết lắp đặt đồng hồ nước theo từng đường kính đai khởi thủy).

Khoản ứng trước của khách hàng sẽ không tính lãi và được Công ty hoàn trả đầy đủ thông qua việc cấn trừ dần vào tiền nước hàng tháng với thời hạn tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày bắt đầu ký hợp đồng cấp nước. Sau 36 tháng nếu chưa đối trừ hết, Công ty hoàn trả dứt điểm phần tiền dư bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt. Số tiền nước trừ tối đa hàng tháng với các mức dùng nước như sau:

STT	Mức tiền nước sử dụng hàng tháng	Mức cấn trừ tiền ứng trước	Ghi chú thực hiện
1	Dưới 50.000 đồng/tháng	**Không cấn trừ (0 đồng)**	Hộ dân thanh toán tiền nước theo thực tế; số dư ứng trước được bảo lưu sang kỳ sau.
2	Từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/tháng	**Tối đa 50.000 đồng/tháng**	Cấn trừ tối đa 50.000 đồng vào hóa đơn kỳ đó; hộ dân thanh toán phần chênh lệch còn lại.
3	Trên 200.000 đồng/tháng	**100.000 đồng/tháng**	Cấn trừ 100.000 đồng vào hóa đơn kỳ đó; hộ dân thanh toán phần chênh lệch còn lại.

Để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư tại các công trình cấp nước, đề nghị các hộ dân chỉ đăng ký lắp đặt khi có nhu cầu sử dụng nước thực tế. Trường hợp hộ dân đã được lắp đặt đồng hồ nhưng không sử dụng nước trong 03 tháng liên tục mà không có lý do chính đáng, Công ty sẽ thực hiện thu hồi cụm đồng hồ đo nước và hộ dân có trách nhiệm hoàn trả phần chi phí nhân công, vật tư lắp đặt đã thực hiện theo bảng chiết tính thỏa thuận giữa hai bên.

*** Nội dung quy định về chi phí lắp đặt và cơ chế khách hàng tự nguyện ứng trước:**

1. Đối với hộ nghèo, hộ gia đình chính sách: Các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách có văn bản hoặc danh sách xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường thì không phải ứng trước chi phí; Công ty chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện lắp đặt theo kế hoạch. *(Kèm theo mẫu xác nhận của UBND xã/phường tại Phụ lục 3.1)*

2. Đối với hộ dân tự nguyện tham gia ứng trước chi phí lắp đặt: Khách hàng tự nguyện lựa chọn mức ứng trước nhưng tối đa không vượt quá 50% tổng chi phí lắp đặt tiêu chuẩn nêu trên và ký Thỏa thuận ứng trước.

3. Đối với hộ dân không tham gia ứng trước chi phí lắp đặt: Việc ứng trước là hoàn toàn tự nguyện, không phải là điều kiện bắt buộc để được cấp nước. Trường hợp hộ dân không tham gia ứng trước, Trạm cấp nước vẫn tiếp nhận hồ sơ đăng ký, khảo sát và tổng hợp bố trí lắp đặt theo kế hoạch phân bổ vật tư, kinh phí định kỳ của Công ty.

(Kèm theo phiếu đăng ký nhu cầu đấu nối sử dụng nước sạch tại Phụ lục 3.2)

4. Trường hợp phát sinh ngoài tiêu chuẩn: Trường hợp chiều dài ống nhánh vượt quá 05 mét tính từ tim đường ống phân phối đến đồng hồ đo nước hoặc khách hàng yêu cầu lắp đặt đồng hồ sau điểm đấu nối, toàn bộ chi phí vật tư phát sinh ngoài cự ly 05 mét và nhân công đào đắp tương ứng do khách hàng chi trả 100% (không thuộc phạm vi tính mức ứng trước hoàn trả 50%).

Đối với những hồ sơ đã đăng ký lắp đặt trước ngày 13/10/2026 vẫn thực hiện theo quy định cũ công ty đã ban hành. Các hồ sơ đăng ký lắp đặt mới thực hiện theo Quy định kể từ ngày ban hành Quyết định số 244/QĐ-TL ngày 13/10/2026.

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai kính đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường hỗ trợ thông báo và niêm yết thông tin công khai trên bảng thông tin của xã, phường; Chi nhánh, Trạm cấp nước trực thuộc niêm yết công khai tại các Trạm cấp nước để người dân được biết./.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Đặng Đình Thuần

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Hội đồng thành viên (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT; Phòng CNS(T.Kiên).

PHỤ LỤC 1: BẢNG ĐƠN GIÁ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ NƯỚC SINH HOẠT VÀ MỨC ỨNG TRƯỚC TẠI CÁC TRẠM CẤP NƯỚC DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI QUẢN LÝ

(Đính kèm theo Thông báo số 30/TB-TL ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

Số TT	Khoản mục chi phí (Công việc - Vật tư)	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá gồm VAT (VNĐ)	Thành tiền Đai D60mm (VNĐ)	Thành tiền Đai D90mm (VNĐ)	Thành tiền Đai D114mm (VNĐ)	Thành tiền Đai D160mm (VNĐ)	Thành tiền Đai D225mm (VNĐ)
I	**Chi phí trực tiếp (các loại vật tư đã bao gồm thuế VAT)**				**1.379.729**	**1.381.889**	**1.411.805**	**1.489.565**	**1.593.353**
1	Đồng hồ đo nước Cấp B thân đồng DN15mm (hiệu Diehl - Pháp, kèm rắc co và kiểm định)	Cái	1	588.600	588.600	588.600	588.600	588.600	588.600
2	Hộp bảo vệ đồng hồ nhựa PP (Model HDHN01D, chịu tải ≥ 350kg)	Cái	1	91.800	91.800	91.800	91.800	91.800	91.800
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA PN16 DN20 (hiệu Minh Hòa)	Cái	1	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
4	Van góc liên hợp đồng không 1 chiều MIHA PN16 DN15 tay ABS (hiệu Minh Hòa)	Cái	1	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000
5	Van 1 chiều đồng lá lật MIHA PN10 DN15 (hiệu Minh Hòa)	Cái	1	51.700	51.700	51.700	51.700	51.700	51.700
6	Đai khởi thủy HDPE 60mm x 3/4" (D63/27A)	Cái	1	152.064	152.064				
7	Đai khởi thủy HDPE 90mm x 3/4" (D90/27)	Cái	1	154.224		154.224			
8	Đai khởi thủy HDPE 114mm x 3/4" (D114/27 - áp dụng chung tuyến D110/D114)	Cái	1	184.140			184.140		
9	Đai khởi thủy HDPE 160mm x 3/4" (D160/27)	Cái	1	261.900				261.900	
10	Đai khởi thủy HDPE 225mm x 3/4" (D225/27)	Cái	1	365.688					365.688
11	Ống HDPE D25 x 3.0mm Đệ Nhất (cự ly tiêu chuẩn 05m)	Mét	5	14.472	72.360	72.360	72.360	72.360	72.360
12	Cút 25mm x 25mm (Co 90° hai đầu rắc co HDPE)	Cái	1	24.192	24.192	24.192	24.192	24.192	24.192
13	Nối PVC D27 răng ngoài 21 (1/2")	Cái	1	2.376	2.376	2.376	2.376	2.376	2.376
14	Keo lụa (cao su non)	Cuộn	1	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240
15	Bê tông đáy và xung quanh hộp bảo vệ đồng hồ	m3	0,05	1.047.941	52.397	52.397	52.397	52.397	52.397
II	**Chi phí nhân công đào đắp đất và lắp đặt đồng hồ**	**Công**	**1**	**220.000**	**220.000**	**220.000**	**220.000**	**220.000**	**220.000**
III	**TỔNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ TIÊU CHUẨN (CP = I + II)**				**1.599.729**	**1.601.889**	**1.631.805**	**1.709.565**	**1.813.353**
IV	**CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC TỐI ĐA CỦA KHÁCH HÀNG NHÓM 2 (50% x CP)**				**799.864**	**800.944**	**815.902**	**854.782**	**906.676**

Ghi chú: (1) Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT (VAT) và áp dụng cho đến khi có thông báo đơn giá lắp đặt mới; (2) Khối lượng vật tư ống nhựa HDPE tính theo thực tế (trong phạm vi tiêu chuẩn ≤ 05m thuộc trách nhiệm đầu tư của Công ty; phần vượt ngoài 05m khách hàng tự chi trả 100%); (3) Trường hợp vị trí lắp đặt đồng hồ trước nhà dân có sân nền hoặc vỉa hè bằng bê tông hoặc lát gạch ngoài phần bê tông hộp đồng hồ tiêu chuẩn, các hộ dân tự thực hiện phá dỡ và hoàn trả mặt bằng.

PHỤ LỤC 2.1 - MẪU BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT (ĐAI KHỞI THỦY D60mm)

(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT

Trạm cấp nước: .....
Khách hàng: ..... SĐT: .....
MST/CCCD: .....
Địa chỉ: .....

CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ

STT	Công việc - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá Vật liệu	Đơn giá Nhân công	Thành tiền Vật liệu	Thành tiền Nhân công	Ghi chú
1	Đồng hồ Cấp B thân đồng DN15mm (kèm rắc co)	cái	1	588.600		588.600		VAT 8%
2	Hộp đồng hồ nhựa PP	cái	1	91.800		91.800		VAT 8%
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA 20	cái	1	165.000		165.000		VAT 10%
4	Van góc LH đồng ko 1C MIHA 15 tay ABS	cái	1	176.000		176.000		VAT 10%
5	Van 1 chiều đồng lá MIHA 15 (M)	cái	1	51.700		51.700		VAT 10%
6	ĐKT HDPE 60 mm x 3/4"	cái	1	152.064		152.064		VAT 8%
7	Ống HDPE D25 x 3.0 mm Đệ Nhất	mét	5	14.472		72.360		VAT 8%
8	Cút 25mm x 25mm (Co 90 hai đầu rắc co HDPE)	cái	1	24.192		24.192		VAT 8%
9	Nối PVC 27 răng ngoài 21	cái	1	2.376		2.376		VAT 8%
10	Keo lụa	cuộn	1	3.240		3.240		VAT 8%
11	Bê tông đáy và xung quanh hộp M250	m3	0,05	1.047.941		52.397		VAT 8%
12	Nhân công lắp đặt	công	1		220.000		220.000	
	CỘNG					**1.379.729**	**220.000**	
	TỔNG CHI PHÍ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ		**CP=VL+NC**			**1.599.729**		
	CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC CỦA KHÁCH HÀNG		**50% x CP**			**799.864**		

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm chín mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi tư đồng.

(Bảng chiết tính có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký).

Khách hàng	**Người lập**	**Đội Thủy lợi**	**Phó Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 2.2 - MẪU BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT (ĐAI KHỞI THỦY D90mm)

(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT

Trạm cấp nước: .....
Khách hàng: ..... SĐT: .....
MST/CCCD: .....
Địa chỉ: .....

CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ

STT	Công việc - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá Vật liệu	Đơn giá Nhân công	Thành tiền Vật liệu	Thành tiền Nhân công	Ghi chú
1	Đồng hồ Cấp B thân đồng DN15mm (kèm rắc co)	cái	1	588.600		588.600		VAT 8%
2	Hộp đồng hồ nhựa PP	cái	1	91.800		91.800		VAT 8%
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA 20	cái	1	165.000		165.000		VAT 10%
4	Van góc LH đồng ko 1C MIHA 15 tay ABS	cái	1	176.000		176.000		VAT 10%
5	Van 1 chiều đồng lá MIHA 15 (M)	cái	1	51.700		51.700		VAT 10%
6	ĐKT HDPE 90 mm x 3/4"	cái	1	154.224		154.224		VAT 8%
7	Ống HDPE D25 x 3.0 mm Đệ Nhất	mét	5	14.472		72.360		VAT 8%
8	Cút 25mm x 25mm (Co 90 hai đầu rắc co HDPE)	cái	1	24.192		24.192		VAT 8%
9	Nối PVC 27 răng ngoài 21	cái	1	2.376		2.376		VAT 8%
10	Keo lụa	cuộn	1	3.240		3.240		VAT 8%
11	Bê tông đáy và xung quanh hộp M250	m3	0,05	1.047.941		52.397		VAT 8%
12	Nhân công lắp đặt	công	1		220.000		220.000	
	CỘNG					**1.381.889**	**220.000**	
	TỔNG CHI PHÍ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ		**CP=VL+NC**			**1.601.889**		
	CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC CỦA KHÁCH HÀNG		**50% x CP**			**800.944**		

Số tiền bằng chữ: Tám trăm nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng.

(Bảng chiết tính có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký).

Khách hàng	**Người lập**	**Đội Thủy lợi**	**Phó Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 2.3 - MẪU BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT (ĐAI KHỞI THỦY D114mm)
(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT

Trạm cấp nước: .....
Khách hàng: ..... SĐT: .....
MST/CCCD: .....
Địa chỉ: .....

CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ

STT	Công việc - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá Vật liệu	Đơn giá Nhân công	Thành tiền Vật liệu	Thành tiền Nhân công	Ghi chú
1	Đồng hồ Cấp B thân đồng DN15mm (kèm rắc co)	cái	1	588.600		588.600		VAT 8%
2	Hộp đồng hồ nhựa PP	cái	1	91.800		91.800		VAT 8%
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA 20	cái	1	165.000		165.000		VAT 10%
4	Van góc LH đồng ko 1C MIHA 15 tay ABS	cái	1	176.000		176.000		VAT 10%
5	Van 1 chiều đồng lá MIHA 15 (M)	cái	1	51.700		51.700		VAT 10%
6	ĐKT HDPE 114 mm x 3/4"	cái	1	184.140		184.140		VAT 8%
7	Ống HDPE D25 x 3.0 mm Đệ Nhất	mét	5	14.472		72.360		VAT 8%
8	Cút 25mm x 25mm (Co 90 hai đầu rắc co HDPE)	cái	1	24.192		24.192		VAT 8%
9	Nối PVC 27 răng ngoài 21	cái	1	2.376		2.376		VAT 8%
10	Keo lụa	cuộn	1	3.240		3.240		VAT 8%
11	Bê tông đáy và xung quanh hộp M250	m3	0,05	1.047.941		52.397		VAT 8%
12	Nhân công lắp đặt	công	1		220.000		220.000	
	CỘNG					**1.411.805**	**220.000**	
	TỔNG CHI PHÍ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ		**CP=VL+NC**			**1.631.805**		
	CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC CỦA KHÁCH HÀNG		**50% x CP**			**815.902**		

Số tiền bằng chữ: Tám trăm mười lăm nghìn chín trăm lẻ hai đồng.
(Bảng chiết tính có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký).

Khách hàng	**Người lập**	**Đội Thủy lợi**	**Phó Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 2.4 - MẪU BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT (ĐAI KHỞI THỦY D160mm)
(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT

Trạm cấp nước: .....
Khách hàng: ..... SĐT: .....
MST/CCCD: .....
Địa chỉ: .....

CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ

STT	Công việc - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá Vật liệu	Đơn giá Nhân công	Thành tiền Vật liệu	Thành tiền Nhân công	Ghi chú
1	Đồng hồ Cấp B thân đồng DN15mm (kèm rắc co)	cái	1	588.600		588.600		VAT 8%
2	Hộp đồng hồ nhựa PP	cái	1	91.800		91.800		VAT 8%
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA 20	cái	1	165.000		165.000		VAT 10%
4	Van góc LH đồng ko 1C MIHA 15 tay ABS	cái	1	176.000		176.000		VAT 10%
5	Van 1 chiều đồng lá MIHA 15 (M)	cái	1	51.700		51.700		VAT 10%
6	ĐKT HDPE 160 mm x 3/4"	cái	1	261.900		261.900		VAT 8%
7	Ống HDPE D25 x 3.0 mm Đệ Nhất	mét	5	14.472		72.360		VAT 8%
8	Cút 25mm x 25mm (Co 90 hai đầu rắc co HDPE)	cái	1	24.192		24.192		VAT 8%
9	Nối PVC 27 răng ngoài 21	cái	1	2.376		2.376		VAT 8%
10	Keo lụa	cuộn	1	3.240		3.240		VAT 8%
11	Bê tông đáy và xung quanh hộp M250	m3	0,05	1.047.941		52.397		VAT 8%
12	Nhân công lắp đặt	công	1		220.000		220.000	
	CỘNG					**1.489.565**	**220.000**	
	TỔNG CHI PHÍ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ		**CP=VL+NC**			**1.709.565**		
	CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC CỦA KHÁCH HÀNG		**50% x CP**			**854.782**		

Số tiền bằng chữ: Tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng.
(Bảng chiết tính có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký).

Khách hàng	Người lập	Đội Thủy lợi	Phó Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 2.5 - MẪU BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT (ĐAI KHỞI THỦY D225mm)

(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH LẮP ĐẶT

Trạm cấp nước: .....
Khách hàng: ..... SĐT: .....
MST/CCCD: .....
Địa chỉ: .....

CHI PHÍ ĐẦU TƯ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ

STT	Công việc - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá Vật liệu	Đơn giá Nhân công	Thành tiền Vật liệu	Thành tiền Nhân công	Ghi chú
1	Đồng hồ Cấp B thân đồng DN15mm (kèm rắc co)	cái	1	588.600		588.600		VAT 8%
2	Hộp đồng hồ nhựa PP	cái	1	91.800		91.800		VAT 8%
3	Van bi cóc đồng tay ABS MIHA 20	cái	1	165.000		165.000		VAT 10%
4	Van góc LH đồng ko 1C MIHA 15 tay ABS	cái	1	176.000		176.000		VAT 10%
5	Van 1 chiều đồng lá MIHA 15 (M)	cái	1	51.700		51.700		VAT 10%
6	ĐKT HDPE 225 mm x 3/4"	cái	1	338.600		365.688		VAT 8%
7	Ống HDPE D25 x 3.0 mm Đệ Nhất	mét	5	14.472		72.360		VAT 8%
8	Cút 25mm x 25mm (Co 90 hai đầu rắc co HDPE)	cái	1	24.192		24.192		VAT 8%
9	Nối PVC 27 răng ngoài 21	cái	1	2.376		2.376		VAT 8%
10	Keo lụa	cuộn	1	3.240		3.240		VAT 8%
11	Bê tông đáy và xung quanh hộp M250	m3	0,05	1.047.941		52.397		VAT 8%
12	Nhân công lắp đặt	công	1		220.000		220.000	
	CỘNG					**1.593.353**	**220.000**	
	TỔNG CHI PHÍ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ		**CP=VL+NC**			**1.813.353**		
	CHI PHÍ TẠM ỨNG TRƯỚC CỦA KHÁCH HÀNG		**50% x CP**			**906.676**		

Số tiền bằng chữ: Chín trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng.

(Bảng chiết tính có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký).

Khách hàng	**Người lập**	**Đội Thủy lợi**	**Phó Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 3.1 - DANH SÁCH HỘ DÂN ĐỀ NGHỊ ĐẤU NỐI NƯỚC SẠCH
(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... Năm 202...

DANH SÁCH HỘ DÂN ĐỀ NGHỊ ĐẤU NỐI NƯỚC SẠCH

UBND xã/phường: .....
Đề nghị Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai khảo sát, xem xét thực hiện đấu nối nước sạch đối với các hộ dưới đây:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nhóm đối tượng	Số điện thoại	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					

UBND xã/phường xác nhận các hộ có tên trong danh sách thuộc hộ nghèo hoặc hộ gia đình chính sách và đề nghị Công ty khảo sát, xem xét thực hiện đấu nối theo quy định. Việc xác nhận, đề nghị này là căn cứ để Công ty áp dụng Điều 8 của Quy định.

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG
(Xác nhận và đề nghị; ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3.2 - PHIẾU ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐẤU NỐI SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH
(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TL ngày tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THUỶ LỢI ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH.....
TRẠM CẤP NƯỚC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

PHIẾU ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐẤU NỐI SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH

1. Họ và tên khách hàng: .....
2. Địa chỉ sử dụng nước: .....
3. Số điện thoại: ..... Số CCCD/Định danh: .....
4. Số người dự kiến sử dụng: ..... người
5. Nguồn nước đang sử dụng: ☐ Giếng ☐ Nước mua ☐ Nguồn khác: .....
6. Hiện trạng tuyến ống trước nhà (nếu biết): ☐ Có ☐ Chưa có ☐ Không rõ
7. Nhu cầu: ☐ Đăng ký khảo sát đấu nối ☐ Đề nghị Công ty tư vấn thêm
8. Giấy tờ hợp lệ về nhà đất nộp kèm:

☐ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (Sổ đỏ/Sổ hồng);

☐ Bản xác nhận của UBND cấp xã/phường về người yêu cầu có nhu cầu dùng nước và nhà đất không có tranh chấp (áp dụng trường hợp chưa có Sổ đỏ).

9. Cam kết của khách hàng: Vị trí đề nghị lắp đặt đường ống nhánh và cụm đồng hồ đo nước nằm hoàn toàn trong phạm vi ranh đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tôi, không tranh chấp, không vi phạm công trình liền kề.
10. Đối tượng theo Điều 8 (nếu có): ☐ Không ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ gia đình chính sách; căn cứ BM-01A/văn bản số: ..... ngày ...../...../.....

Lưu ý: Phiếu này chỉ ghi nhận nhu cầu và phục vụ khảo sát; không phải cam kết tham gia cơ chế ứng trước và không phát sinh nghĩa vụ nộp tiền. Sau khảo sát, khách hàng sẽ được thông tin rõ 03 nhóm xử lý trước khi xác định hình thức thực hiện.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ	**NGƯỜI TIẾP NHẬN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)